

THÍCH MÔN QUY KÍNH NGHI

QUYỂN HẠ

Bài 8. OAI DUNG CÓ NGHI

(Nghĩa là thúc liễm hình nghi, kính đạo thuận tục. Bên trong thêm lớn tín tâm, bên ngoài giúp cho chúng sanh làm việc lành).

Tựa rằng: Bậc Thánh lập nghi thức đồng pháp đều quán. Đạo tông là dị hình kính thì thông. Sách này nêu đầy đủ các kính, chúng ta chẳng nên không đọc và áp dụng. Nếu sống trái với khuôn phép thì loạn luân tự vờ lấy tai ương tội lỗi. Do đó nếu trái lời răn bảo thì tội sâu khó tha thứ. Nay sinh vào đời thúc thế, thay gọi là cặn đục, ô trọc. Phiền não ngày càng thêm, biết bao giờ mới dẹp được, nếu không dốc lòng học tập thì lúc nào trở thành cứu giúp. Cho nên ký gửi vào hình hài để lắng trong chuyện rèn tánh thức, khúc chiết, nhu nhuyễn, đem bỏ gậy táng ngã mạn. Nếu buông lung thì thói quen cũ của kiêu mạn cống cao ngày càng tăng thêm. Đây là lời nói có quan hệ. Không nài lo sâu, luống công phương tiện khéo léo làm việc lãng xảng khó kịp. Nếu không tin lời này thì nên đọc thử văn đây. Xem xét tâm hạnh này cứng chắc không động thì được gọi là bậc Thượng trí. Người hạ ngu, trung lưu nghĩa có theo, có trái. Nên Kinh chép: Nay dùng bao nhiêu lời khổ thiết mới được vào luật. Dụng hạnh chân thật này để cúng dường người Phật.

Kinh chép: “Thuận theo lời ta gọi là cúng dường Phật”. Sách chép: “Nghe can ngăn như nước chảy”. Lời này đáng ghi chép. Lang sói không tin, ngựa ác khó điều phục, mạng hết tính toán cùng tận. Biết suy nghĩ này là bảo võ ngực rất hổ thẹn, thường dùng để tự răn mình. Ngõ hầu có đồng luân suy cùng thứ lớp chất chứa trong lòng, nay nói tướng trạng oai nghi được các kính trình bày:

Theo thế tục, Trung quốc và biên địa đều có nghi thức khác nhau. Tùy theo phong tục mỗi nước mà thực hành, nhưng vẫn lấy “kính” làm gốc. Đây là sơ tâm không học thì không hiểu. Nên phải rõ ràng sử dụng cái hiểu chưa nghe. Thực hành lâu đức lớn chắc chắn chẳng phải chỗ trông mong. Nhưng Trung thiên (Ấn-độ) và Chấn Đan (Trung quốc) sự

lễ kính khác nhau. Ấn-độ lễ bái ít mà đi nhiều nhiều. Trung quốc không đi nhiều mà lễ bái nhiều. Nước Ấn-độ để bày vai chân trần là cung kính. Ở nước Trung quốc khăn giày nghiêm chỉnh là cung kính. Thật là sự khác nhau của đạo tục dành cho cõi nước địa phương khác nhau, hãy nắm rõ chi tiết của nghi thức việc có cơ duyên. Cho phép dự gặp buổi sáng thì ba nghiệp hết lòng. Khi trình sự nhanh chóng thì bốn chi gọn lược. Đây là hành tàng ở chỗ quan trọng. Trí nêu ra không suy nghĩ. Đủ khiến cho thêm sự cung kính cùng tận. Người đó và chúng ta chung ý. Nên Kinh Xuất Diệu chép: Có oai nghi của tín sĩ có oai nghi của xuất gia, có oai nghi của Đại Đạo nhân. Do nền tảng đi đến cõi đạo bằng hạnh lành nên được sinh về chỗ lành. Dùng văn này để chứng minh cho biết, quy về niềm tin oai nghi bắt đầu nhập đạo, không được ẩn lược. Nên trình bày để vâng theo. Trong thế tục có bộ sách Lễ ký đời nhà Châu, nội dung nói về 9 phẩm lễ bái, xuất xứ từ quan Thái chức. Đây chẳng phải của Phật giáo. Nhưng đó cũng là sự quý báu về lễ bái của thế tục.

1. Khể thủ bái : Nghĩa là các quan lễ bái vua. “Khể”: là cúi đầu sát đất giây lâu mới ngẩng lên.

2. Đốn thủ bái: Nghĩa là bằng ngang nhau. Như các vị quan lễ bái nhau, tức là khấu đầu còn cách chưa tới đất.

3. Không thủ bái: Nghĩa là vua đáp lại một lễ của bề tôi, nghĩa là dùng đầu đến tay, gọi là bái thủ.

4. Chấn động bái: Nghĩa là bái của chiến tranh biến động trong kính trọng.

5. Cát bái: Nghĩa là lạy rồi mới dập trán. Nghĩa là mặc áo tang may bằng gai nhỏ có gấu, không có gậy trở xuống. “Cát” là bái không tốt của sự hết lòng này. Nhà Châu cho nó, cát bái và đốn thủ gần nhau nên gọi là Cát bái. Tức trước hết phải cúi đầu lạy rồi mới dập trán. “Tảng” là trán, dùng trán chạm đất, không có dung nghi.

6. Hung bái: Cúi trán xuống rồi mới đốn thủ bái, nghĩa là lạy tang phục ba năm.

7. Kỳ bái: Nghĩa là trước co một đầu gối, tức nay gọi là Nhã bái. Có thuyết nói Kỳ bái dùng để đáp một lạy của các quan.

8. Báo bái: Bao đọc là báo. Báo bái là lạy hai lần. Lại chép: Báo bái là lạy giữ tiết. Tức là lạy thân và thân chết.

9. Túc bái: Chỉ buông tay xuống. Nay là vái chào, cũng chỉ cho cái lạy của người phụ nữ, lại túc hoặc đến ba. Không thủ và Kỳ bái chỉ có một. Ngoài ra là Tái bái.

Trên đây đều là chánh văn của Tục lễ.

Trịnh Khang Thành theo vị trí mà giải thích như. Nay theo Phật giáo lấy lễ kính làm đầu. Đại khái chia làm hai, là Thân và Tâm. Phật pháp lấy tâm làm gốc, thân làm ngọn, nên cần phải Bồ-đề tĩnh quán trong thất. Như lai khen và lễ thấy pháp thân. Liên Hoa sắc ban đầu đến thêm báu. Như lai chê là lạy Hóa Phật. Nên biết ở nơi thanh tịnh suy nghĩ nhỏ nhiệm niệm niệm thú hưởng về đạo. Quán xét hình mạo càng ngày càng mới ở thế tục, năng sở chưa tránh khỏi tưởng kiến đồng sinh. Diên đảo hiện tiền của ta làm ngăn chướng đạo. Nên đức Phật đứng chỗ này mà chia thành thân và tâm kính lễ. Nếu ngay nơi sắc duyên mà quán được cảnh tâm tạo là không, lắng xảng tập khởi đều là nhiễm hoặc tịnh. Tưởng nó là không thì duyên niệm này dứt sạch. Nay ở cõi phàm dùng sức chế ngự cho dừng được, thì các niệm này tự nhiên sẽ dần dần thanh tịnh. Phải thường khởi hai pháp quán, không được đơn hành, nghĩa là: biết vô cảnh thì dần dần hưởng về chân, biết chỉ là thức thì dần dần trái với thế tục. Như thế mà sách tấn tu tập thời gian dài không thôi. Từng phần thêm sáng, ba A-tăng-kỳ mới thành tựu. Trước đã nói rõ rồi, thường phải nên biết.

Trong kinh nói lễ kính có các giai vị khác nhau. Nên trước hết làm mục lục, sau theo đó mà giải thích đầy đủ (ban đầu là nghi thức hộ trì lễ kính, rồi theo đó mà tùy kiểm).

NAM-MÔ KHẾ THỦ TRÁI TỌA CỤ

Cởi giày cỏ, vén một bên vai, năm luân sát đất. Đầu mặt lễ chân, gối phải sát đất, hồ quỳ nhất tâm chấp tay, hữu nhiều, cúi mình chiêm ngưỡng.

Ban đầu nói Nam-mô là trong kinh chép: Nam-mô bà nam v.v... Truyền Phạm có sai lầm, âm đúng là Bát đàm. Đời Đường dịch là ngã lễ. Hoặc: Quy lễ, quy cũng là bản tình của ngã, lễ là tông trí của lễ. Có chỗ gọi là Quy mạng nghĩa này được lập thay thế Nam-mô. Lý sự phù hợp tiêu biểu hữu tình được dứt hết. Không rõ sự giao dịch giữa Đường Phạm. Huống chi lại thêm dùng Hòa-nam Chư Phật mê sinh mà càng cười to.

Câu “Hòa-nam” nghĩa là độ ngã, nay đắm chìm trong sông sinh tử. Niệm nương theo cứu giúp mà được ra. Y theo đây để nói, há chẳng phải Hòa-nam trước là tôn sư. Nghĩa thông lên Thánh niệm cứu giúp. Nên trong kinh nói đi đến chỗ Phật, chép: Nam-mô vô sở trước chí chân Đẳng chánh giác. Đây là khẩu nghiệp xưng tán đức của Như lai. Và xét

rằng quý tiện khác nhau tôn kính rất khác nhau. Thiên Trúc thiết kính trước hết dùng thân lễ sau dùng tụng khen. Như Kinh Vô Lượng Nghĩa. Tám muôn Bồ-tát đến chỗ Phật, đầu mặt lễ dưới chân Phật, đi nhiều trăm ngàn vòng rải hoa đốt hương. Dùng y báu chuỗi anh lạc và bát khí trăm vị, cùng khắp tràn đầy, sắc hương đầy đủ. Lại bày cờ phướn lọng báu, các thứ kỹ nhạc nhiệm mầu. Khắp nơi đặt trống, làm nhiều thứ đồ dựng để cúng dường Phật, tức trước hồ quỳ chấp tay nhất tâm. Đều đồng thanh nói tụng khen ngợi rằng: To lớn thay ! Đại ngữ ! Đại Thánh chủ vô cấu, vô nhiễm vô sở trước. Trời người, voi ngựa Điều ngự sư. Đạo phong đức hương huân xông tất cả. Như thế bằng với tụng có khoảng ba mươi chương, liệt kê các Đại kinh đồng thời có tán tụng. Như trong Đường Cảnh Tục, từ Thiên tử trở xuống đức hạnh tốt đẹp, dòng phái rất rộng. Hoặc dùng âm thanh khen ngợi, hoặc dùng văn tụng. Khi đó thế tục cung kính còn phong khí đó càng vang xa. Cho nên, Tỳ-kheo được quả báo miệng thơm tho, do khen chánh nghiệp Phật, được cảm người danh tiếng. Y theo hạnh đó việc ứng tại sau khi lễ bái nhờ sự xưng dương và khen ngợi mà thôi.

2. Khể thủ: Thế tục thường hành, không cần phải theo xưa. Bạch Hổ Thông chép: Khể là đến. Thủ là đầu. Ngay lời nói lễ bái ở trước đầu đến sát đất. Tức Thuyết Văn nói: “Nghĩa cúi đầu là Khể”. Tam Thương chép: Khể thủ là Đốn thủ. Nghĩa là dùng đầu chạm đất. Nhưng nay làm việc đốn thủ là nhẹ, nghĩa là trường lập đốn thủ ở hư không nên Đối Tấn ngài Thích Tuệ Viễn gửi thư cho Tục sĩ, chỉ nói cúi đầu mà không vái lạy, nghĩa là chẳng phải khom mình mà chỉ đứng, cho nên vái lạy, không cần khom mình. Nhưng cúi đầu, dập trán trong thế tục là độ thường, tên chung của đầu là tên gọi khác của trán. Nhưng nghi xưa có khể thủ, khể thủ, đốn ngạch, nghĩa là trên hết lòng kính Thiên tử, cho nên nói lại phải y theo đây. Đốn ngạch là trán sát đất mà lạy.

3. Nói về trải tọa cụ.

4. Nói về cởi giày dép.

Ấn-độ rất cung kính. Trung hoa nghi thức của các quan triều yết, đều ở sân điện, nên giày dép không cởi. Có khi lên điện thì kiếm, giày đều bỏ. Đây là pháp xưa. Trong nước Thiên trúc đất phần nhiều ẩm thấp nóng, dùng da làm giày chế cho mang, nếu gặp bậc thượng tôn thì phải cởi ra. Ngoài ra ở nước lạnh tùy theo có giày khi hành sự thì cởi. Đã được đất đai cạn thì ngồi phải có tọa cụ. Tìm trong kinh luật luận không có vân trải tọa cụ, chỉ nói cởi giày lễ dưới chân. Nay y theo sự dùng lý phải có tọa cụ, cho nên Chế Tọa Cụ Duyên chép: là thân là y, là

ngọa cụ của tăng. Đã là thân y thì nói biết sự lập bày ở trước. Lại danh từ tọa cụ vốn là dụng cụ khi ngồi, cho nên trong lễ bái không có văn trải vì thế Như lai sắp ngồi thì tự trải như thường. Theo đây thì Tỳ-kheo tự trải mà ngồi, không để cho người khác trải. Nay thấy phạm tăng đến trước chỗ Phật lễ, trước phải vén quần dùng gối chống đất, chấp tay quỳ thẳng miệng khen ngợi Phật, rồi mới đánh lễ. Đây là phong tục còn để lại, nên chuẩn theo đó mà dùng. Không tọa cụ nói. Lo có hành kính ở trước Phật tăng. Vẫn khiến thị giả trải tọa cụ. Đây là hạnh kiêu, chưa phải là trí kính. Còn cần phải đợi trải chiếu mới bắt đầu lễ, cũng không được. Như thấy bậc tôn trưởng liền phải lễ bái, đâu được tìm chiếu ư? Vì việc rõ ràng, y theo tùy thời mà thiết lễ. Không được đợi chiếu. Có thì theo chiếu, không thì theo đất cũng được. Như ở Đời Thanh ở cổng đình sân vệ đâu có trải chiếu, lấy đây nêu lên tiêu chuẩn thì kính trọng và kiêu mạn có hai phần.

5. Nói về Thiên dẫn hữu kiên, hoặc nói: Thiên lộ hữu kiên, hoặc nói Thiên lộ nhất bễ (đùi) cái gọi thiên dẫn nghĩa là nhục dẫn, chỉ bày theo nương học có việc chấp tác. Trong thế tục tay áo ngắn, tiện cho sự việc đó. Nay các Sa-môn mặc chung áo cánh. Ít mặc ba y, bèn cắt đứt áo cánh thành hai miếng gọi là Nhu dẫn. Đây thì danh nghĩa đều mất, không được tìm điều đó. Cho nên khi hành sự chỉ chừa ra một vai. Nhưng có sam nhu chẳng cần pháp lộ bày. Nên luận Đại Thừa Trang Nghiêm Kinh chép: Sa-môn Thích Tử vai bên phải bị đen. Ngoại đạo hai vai đều đen. Sa-môn bày vai phải nên có khác nhau. Trong luật chỉ có ba y trùm cả hai vai, nếu gặp bậc Trưởng lão mới trịch bày vai phải, đâu dùng y ngăn gọi là thiên dẫn, làm sao được khen ngợi, nên biết Nhục dẫn kiên lộ là rất cung kính.

6. Năm luân sát đất: cũng gọi là năm thể sát đất Kinh Địa Trì cũng chép: Phải năm vóc sát đất mà làm lễ. Kinh A-hàm chép: Hai khuỷu tay, hai đầu gối và đánh gọi là năm luân. Luân là viên tướng. Năm chỗ đều viên. Nay có phạm tăng lễ bái phần nhiều vén y bày gối, trước hạ xuống đất, rồi đặt khuỷu tay xuống đất, hai tay ngửa lên hư không, tiêu biểu cho có tướng tiếp túc. Thời nay khi hành lễ quán tới lui, hoặc tượng Phật, tôn sư lại ngồi duỗi chân, mới được gọi năm vóc sát đất như trên. Nếu người đó ngồi thêm thì tùy thời mà thôi. Cũng thấy có người nghe có tướng đánh túc bèn đến ngồi đỡ chân người khác, nêu ra nói: Tôi muốn đội lên đầu. Vì sao xúc não, lại nêu ra vụng về. Nên biết gặp người cúi ngược nghĩa là rất cung kính. Như vậy lệ theo thí dụ mà biết.

7. Đầu trán lễ dưới chân: Chánh là nghi thức chánh của bái thủ. Trong văn kinh luật phần nhiều nói “đầu mặt lễ chân” hoặc nói “đảnh lễ chân Phật”. Chỗ cao nhất trong con người ta là đảnh, chỗ thấp nhất là chân. Vì ngã tôn kính. Chỗ thấp cùng cực của kia. Như trong thế tục tôn trọng bạn, không chê bai tướng danh tự của họ gọi là túc hạ, nghĩa là cùng loại. Như Thiên Tử, Thái tử có nghĩa chỗ xưng hô. Bất cảm không dám và hình hoặc gọi: Thừa, dư, xa giá. Hoặc nói bệ hạ, điệu hạ đều là một nghi kính.

Nhưng trong bên hành kính nhà đó khác nhau. Cõi này lấy kính lạ xa làm trọng. Thiên Trúc lấy kính gần hình tiếp chân bái là chí cực. Nên trong kinh trình bày như lâu ngày không thấy Phật, đến lễ Phật rồi dùng mặt áp lên chân Phật, đây là tướng đầu mặt lễ chân đầy đủ. Luật Thiện Kiến chép: Từ già Phật, pháp nhiều Phật ba vòng rồi làm lễ bốn phương mà đi, hiệp mười móng tay, vòng tay trên đảnh, lại đi hoàn toàn không thấy Phật, lại làm lễ xong về trước mà đi. Luận Trí độ chép: Lễ có ba:

- Khẩu lễ
- Cong gối mà đầu không sát đất
- Đầu sát đất mà lễ trên.

Nếu nghe công đức Chư Phật, tâm kính tôn trọng cung kính khen ngợi. Biết trong tất cả cơ, đức không qua trên. Nên nói là tôn. Tâm kính sợ hơn cha mẹ, sư trưởng, quân chủ. Lợi ích sâu nặng nên nói là trọng. Khiêm tốn sợ khó nên chép: là Cung. Đầy đến đức đó nên nói Kính. Khen công đức người đó là Tán, khen không đủ còn xưng dương là Thán. Tùy dùng bất cứ một việc nào đối với Phật thì công đức đó đều không thể cùng tận được.

8. Gối bên phải chấm đất: Trong kinh phần nhiều nói hồ quỳ, hồ quỳ, trường quỳ. Đây đều là tướng cong gối chống đất, nghi kính của Thiên Trúc, như trong Kinh chép: Thế tục phần nhiều là tả đạo nên chỗ đi đều là bên trái. Phật tay phải ấn đất để hàng phục ma trời khiến các đệ tử gối bên phải sát đất. Nói hồ quỳ là hai gối trái phải giao hồ quỳ xuống đất. Đây nghĩa là có chỗ khái thỉnh. Nghi sám hối tội lỗi trao nhận Phật pháp thuận bên mặt nên gối mặt chống đất, gối mặt. Ở ngón tay mặt chống đất. Còn gối trái tay trái chống đất, khiến ba chỗ cong mình hướng về trước. Nên được tâm có chuyên tâm thỉnh hối mới cùng cực. Đây gọi là tâm tùy thân. Hành lỗi kiêu mạn, nay hành sự đó đều không suy xét. Đều đến trước Phật ngồi kiết già. Gối phải sát đất: Hai gối đều ngồi. Trong kinh gọi là Lạc đà tọa. Ở đây vì thân kiêu mạn, nên

tâm cũng theo, muốn được phước lại bị tội kiêu mạn. Đã trái ý lẽ lại thêm thói quen kiêu mạn hoàn toàn thành nghiệp khổ. Quả báo trong cõi thú, phải chịu không thể nghĩ bàn, nên trong luật xin sám hối hoặc ngồi xồm hoặc quỳ. Văn tự giải thích. Quy là khào. Không chấm đất đây là chánh lượng. Tăng là tượng phu hành cứng việc đứng nên chế cho hồ quy. Ni là nữ cánh mềm yếu khổ để thay đổi nên chế trường quy. Hai gối chấm đất, hai ống chân dựng thẳng lên hư không. Hai chân từng ngón địa đình thân mà đứng. Trong kinh hành sự trải qua khổ tệt nhóm hợp thành thân. Hai gối phải trái giao lẫn nhau mà quỳ. Trong kinh Tỳ-kheo cũng có hai gối chấm đất bạch Phật.

Hồ quy: là Tượng cung kính của người Hồ, xứ này không có bản duyên đó, nên gọi là Hồ. Hoặc gọi Hồ kỵ. Xem xét các chữ viết kỵ tức là tượng cong gối của nước Thiên Trúc.

Tục lễ chép: Trao đứng không quỳ, quỳ nghĩa là cong gối, thế tục trái điều đó, hễ có chỗ thọ gối phải đứng dậy.

9. Nói về nhất tâm chấp tay: Văn luật có chỗ nói hợp mười móng tay cúng dường Thích Sư tử, có chỗ nói hoặc cung tay bạch Phật, đều cho là tùy theo duyên trước mà hành sự. Thúc liễm tâm mình không để cho rong ruổi. Nhưng tâm làm cho trở ngại nên phải chấp tay mà tâm nhất. Nay người hành sự chấp tay không được, do việc này nên tâm so sánh càng bền chắc mà tán loạn.

Muốn trở về nguồn thì phải gia thêm công dụng. Phải mở ngón tay ra chấp lại mà tu thiện hạnh. Không được chấp ngón tay hợp ngón tay mà mở tay theo thói quen xấu. Còn hai chân chấm đất phần nhiều trái nghi tiết. Kính tục còn không lập hướng chi là hành đạo? Cũng phải y theo trước cố gắng gấp bội. Nên kiểm ngón tay mà mở gót chân như kính tục lưu. Không được kiểm gót chân mà mở ngón tay thành chữ bát đứng. Khiến người không hiểu chi biết cười. Lời này khổ sở, việc này hiện hành. Muôn lỗi không biết không cuồng lạm. Hành giả có tâm đã thấy văn này. Võ ngực nói về tâm làm sao buông lung. Chắc chắn phải như trên. Y theo đó mà dẫn đo, dần dần hành theo. Tâm tánh điều nhu mới có thể luận đạo. Đạo ở chỗ tình thông không có hệ lụy, vô ngã. Làm sao lại lập căn kiêu mạn. Dùng ngày này sinh sâu chẳng phải sinh ký gửi. Các ngón tay ngó hầu để xem.

10. Hữu nhiều cung kính: Trong kinh luật chế khiến đi nhiều theo chiều bên phải. Nên đi nhiều tháp bên trái bị thần quỷ trách. Nhiều bên trái lúc mạnh bị thế tục chê trách đồ chúng, lại nói điều đó. Nay hành sự thuận thiên thời. Mặt phía Tây mà chuyển phía Bắc. Vai phải vén lên

là kính. So với cái thấy này có tăng thêm. Chẳng phải đối với pháp này. Liền mặt hướng đông mà chuyển về hướng Bắc là đi nhiều bên mặt. Thiên Trúc Phạm tăng trấn tụ kinh áp kinh hành nhiều vòng quanh. Mắt duyệt hành tuy đó đều từ hướng Tây trở lại thì gọi là hữu chuyển (bên phải) vì thuận theo thiên đạo như mặt trời mặt trăng. Nhưng xét trong kinh số vòng không nhất định, hoặc nói ba vòng, bảy vòng, trăm vòng, ngàn vòng, vô số vòng, đây là vì sao? Đều nói tùy theo việc hoãn gấp cho đến khác nhau, đều khom mình chấp tay bồi hồi chiêm ngưỡng không thể chính mình chu toàn tâm kính trọng của mình. Nên trong ngoài niềm tin thanh tịnh đến trước Phật, lễ rồi đi nhiều nhiều rồi lại lễ. Thêm kính trọng không được làm tiêu chuẩn thường hằng. Tóm lại là lấy kính trọng làm gốc. Nên nói rằng: Lễ cùng với xa là ninh kiểm, cho nên biết lễ cung kính xem trọng. Trọng thì tùy tâm. Hiển bày giáo hóa. Muôn đường đến một. Nên cửa khổng tiếm tố vương, gọi là ngưỡng càng cao tán càng vững chắc. Chiêm ngưỡng Ngài ở trước khinh thường Ngài ở sau đó. Về trước đứng về tướng hãy nêu ra mười điều. Ngoài ra có khom mình, cúi đầu, chú ý, chiêm ngưỡng, tùy tâm cơ dụng. Làm sao đây đủ được điều đó? Nhưng (1) vì quán phần nhiều thuộc về liệt kê ở trước. Cho đến luật chế cũng rất khác luận, vì vậy lễ của hạ tọa trước phải đủ năm pháp:

1. vén y bày vai phải.
2. Cởi giày.
3. Lễ dưới chân.
4. Hổ quỳ.
5. Chấp tay.

Thượng tòa sám hối trước hạ tòa thì có bốn pháp trừ lễ dưới chân. Cho nên biết bốn thứ còn lại chung cho tôn ty. Pháp lễ dưới chân không hành cho hạ vị, đây có nghĩa là sám tội nên lập bốn nghi. Tự dư thường thời bốn pháp đều tiêu [Hạ tòa hổ quỳ cũng y cứ nghi thỉnh sám hối, nương lý không hành] Trên nói chung tướng lễ cảnh sách xem xét tâm hành. Văn sự đầy đủ vậy, mới tiện thành. Lễ nghi đã đầy đủ dẫn đến thân trước tượng không vọng khởi. Khởi thì phải thêm kính. Mắt không vọng lễ, thấy thì chiêm ngưỡng. Miệng không nói bừa, nói thì phải khen đức. Như trước trình bày rất dễ biết. Nếu đến lúc lâm trận phần nhiều mang trọng trách, nên luận chép: Phật Thế tôn trước không có dị ngữ, không thể nghĩ bàn thay, không thể nghĩ bàn thay. Theo cái nhìn ở đây gọi đó là Sơ tâm, vốn không có kinh nào nói thì không nhờ đâu mà hiểu. Đừng lạ việc ủy khúc nghĩa cần điều đó. Ngạn ngữ có câu: “Dạy con

dạy thở con thơ, dạy vợ dạy lúc bơ vơ mới về”. Lời nói tuy cạn của thế tục nhưng dụ nó rất sâu xa. Nên A-nan đầu bạc mà Ca-diếp gọi là thiếu niên, chẳng phải nhiều tuổi mà là già. Vì không khéo giáo hối nên chẳng phải già. Lý chắc chắn ổn thỏa xét quán hạnh như thế nào. Nhưng Tam bảo là hết sức tôn kính. Cho nên nói tướng trạng của nó Cổ đức để lại lời dạy. Vì sao hành giả chí tâm quy mạng thường trụ pháp thân, nghĩa là Như lai thành tựu mười lực bốn vô sở úy, năm nhãn, sáu thông, mười tám pháp bất cộng. Đại từ đại bi ba niệm xứ đẳng. Nhất thiết chủng trí vô thượng Điều Ngự. Công đức trí tuệ mầu nhiệm thanh tịnh, rộng lớn Như lai pháp giới. Rốt ráo như hư không, an ủi thế gian che chở tất cả. Không chướng ngại, không hề phân biệt, không thể dùng trí để biết, không thể dùng thức biết, có khả năng thị hiện ba mươi hai tướng tam mươi vẻ đẹp, thường đưa tay phải lên an tiếp chúng sanh. Phát ra ánh sáng rực rỡ xua tan vô minh tăm tối. Trăm phước trang nghiêm, muôn đức viên mãn. Mưa cam lộ, mưa xoay bánh xe chánh pháp, cứu giúp chúng sanh ra khỏi biển sinh tử, nên hiệu Phật chúng Thánh Trung Tôn vô Thượng chánh Pháp Vương. Nay ta quy mạng, kế lại quy mạng mười hai bộ kinh. Thượng, Trung, Hạ thiện nghĩa vị thanh tịnh. Tự nhiên đầy đủ, khai hiện Phạm hạnh. Tối thượng đệ nhất qua bờ bên kia. Rất sâu xa Thật tướng Bình đẳng đại bi, tự tánh thanh tịnh, chỗ tâm hành diệt, đường ngôn ngữ dứt mà cảnh giới của chánh pháp này vô ngại, vì chúng sanh nói không trái thật nghĩa. Do đó mà vô thượng xuất thế thuốc hay phá diệt phiền não từ vô tử của chúng sanh. Nên hôm nay ta dốc lòng đánh lễ, kế lại quy mạng Ba thừa thanh tịnh tạng. Sở hành Ba tuệ là đạo Bồ-tát. Mang hoàng thệ thức giục ngựa tinh tấn, Cầm cung nhẫn nhục, buông tên trí tuệ, giết giặc phiền não. Trục tâm, thân tâm quyết định chánh thú vô thượng đệ nhất bình đẳng chánh đạo, không rời niệm Phật, niệm pháp, niệm tạng. Thọ hành tất cả lời dạy của Chư Phật. Thường dùng sáu độ độ tất cả chúng sanh, Thường dùng bốn nhiếp nhiếp các loài hàm thức. Là tôn, là dẫn đạo, là y, là cứu, nhất định được đạo Phật, Bồ-tát. Cho nên gọi là Tăng, nói về thiện hữu. Thường dùng phương tiện lợi ích thế gian là cúng dường ruộng phước chân thật. Nên ta đánh lễ biển tạng thanh tịnh. Nay soạn tập cho người mới bắt đầu tu hành, nếu không nêu hiểu khởi tâm vô ký. Nếu nói khiến niệm Phật thì rơi vào phiền nộ, nên quanh co chỉ bày tướng khởi tâm nêu ý, như thế chuyên chú dứt bất nghi ngờ. Tâm tánh tỉnh ngộ làm nghiệp trong sạch. Không như vậy thì thuận theo si độn vô minh cũ. Tuy thêm châm ngải mà bệnh sâu không biết. Có người nghe tôi báo cáo việc này mĩm

cười dẫn đo. Tôi nói rằng không. Cần phải nắm bắt tìm lấy nghe danh tức lễ. Tác ý sách ngữ mới có thể kịp. Hiện thấy người thế tục lễ Phật, lạy không thiếu. Đạo nhân xu hướng bái lạy có. Người đó nghe việc này còn cố không tin và lạy năm mươi ba Phật tình lộ mạn tan đều không nghe điều đó. Việc xong mới tỏ ngộ hổ thẹn. Tôi lại nói rằng: “Dừng được tự gỡ cố gắng cắt đứt. Tàn ác phải làm sao lại phải làm sao. Nếu quá lạ lời này đối trần mới rõ ràng. Tam Tạng Lạc-na thấy hạ phạm này thương xót ngập lòng, là rút ra bảy cách lễ văn rất chu toàn đầy đủ, sao lược nêu ra.

1. Ngã mạn lễ: Nghĩa là y theo thứ, mà tâm không cung kính. Cao tôn tự đức không thầy ngưỡng ý hổ thẹn. Ngay đời hỏi nhận không chỗ. Tâm không có pháp y cứ, như cái chày giã gạo lên xuống. Hoàn toàn thân làm không có cảnh trụ tâm. Nhẹ sống đạo mỏng uổng công vô ích. Bên ngoài thấy dường như lễ, bên trong tăng thêm mạn hoặc. Giống như người gỗ. Tình không ân trọng tay không sát đất. Năm luân không đủ. Đây là mạn nghiệp, gọi là Ngã mạn lễ.

2. Xướng họa lễ: Tuy chẳng phải mạn nhưng cao tàn không có tưởng thanh tịnh. Thô chánh oai nghi thân tâm cung kính, lên xuống thuận nhau. Một có chút đỡ nhau, phước mỏng ít chẳng phải cúng dường chân thật.

3. Thân tâm cúng kính lễ: Nghe xướng hồng danh Phật liền niệm thân Phật. Như ở trước mắt tướng tốt đầy đủ trang nghiêm sáng rõ. Tâm tướng thành tựu thật đối ba thân. Duỗi tay xoa đánh trừ tội nghiệp cho ta. Cho nên hình tâm cung kính không có niệm khác. Cung kính cúng dường tình không nhằm đủ. Thế gọi là cảnh giới lễ Phật tâm. Trước mắt chuyên chú không mê muội. Người này dẫn dắt lợi ích người trời là trên là tối thượng. Công đức tuy lớn nhưng chưa phải là trí, tâm sau phần nhiều thối lui.

4. Phát trí thanh tịnh giải đạt Phật cảnh giới lễ Phật: Hành giả tuệ tâm sáng bén rất biết pháp giới vốn không có ngại. Do ta vô thỉ thuận theo phạm tục phi hữu. Có tưởng chẳng ngại ngại tưởng. Nay đạt được tự tâm rộng không vô ngại, nên thuộc hành lễ Phật. Tùy tâm hiện lượng lễ một Đức Phật tức tất cả Phật. Tất cả Phật tức một Phật. Vì Phật pháp thân đồng với vô ngại, nên lễ một Đức Phật chung khắp tất cả. Như thế các thứ hương hoa cúng dường nêu đồng ở đây. Pháp tăng thêm kính, nghĩa cũng đồng ở đây. Vì Tam bảo đồng tánh lý không khác. Ba thừa tên khác giải thoát đồng giương. Nên biết: “Một lễ thì tất cả lễ, tất cả lễ thì một lễ. Như thế Tam bảo đã có thể thông đạt. Tất cả ba cõi sáu

đường, bốn sinh đồng tướng Phật. Cúng dường lễ bái tự thanh tịnh thân tâm, mệnh mạng không chướng ngại. Cảnh giới niệm Phật tâm tướng càng sáng. Một lạy một khởi là tôn là thắng. Ấy gọi là quả báo chân thật rộng lớn, do tâm vô hạn nên làm cho tịnh nghiệp vô cùng.

5. Biến nhập pháp giới lễ kính cúng dường: Hành giả tưởng quán, từ thân tâm của mình pháp từ xưa đến nay, pháp giới không ngoài pháp thân Phật. Cũng biết Chư Phật thân tâm pháp không ở ngoài thân ta. Phát giải mao đạt tự thân tất cả thân trùm khắp pháp giới. Đó gọi là pháp giới không thêm không bớt thanh tịnh pháp môn. Hiểu như thế rồi. Nên biết, nay ta lễ một Đức Phật, thân một Đức Phật trùm khắp pháp giới. Trong pháp giới có ba cõi vị địa vô biên pháp thân đều có thân Phật. Thân Phật đã trùm khắp tất cả, thân ta tùy theo Phật cũng trùm khắp tất cả. Cho nên trong lễ cúng dường tất cả thân, đầy đủ trang nghiêm. Nhưng pháp giới này tánh thường vắng lặng tùy duyên trùm khắp. Cho đến đi đứng, nằm, ngồi nhân duyên quả báo không lìa pháp giới. Thân tùy tâm nên hiểu vô ngại. Pháp giới duyên khởi tất cả việc thành. Như trong một ngôi nhà treo trăm ngàn chiếc gương có người chỉ thấy gương trong gương đều có hình tượng hiện ra, thân Phật thanh tịnh sáng hơn gương kia tất cả pháp giới đều hiện trong thân. Nên ta cúng dường tất cả phàm Thánh, thân phàm Thánh đều đồng cúng dường, người có mắt sáng thì thấy, người mù thì không thấy. Như đây người học pháp giới pháp môn rất có lợi ích, cuối cùng đến đây hiểu, không học thì không biết. Cho nên người tu hành thường phải duyên quán, tất cả công đức không thể so lường, đã biết thân ta ở trong thân Phật vì sao lại điên đảo vọng tạo nghiệp ư ?

6. Chánh quán lễ tự thân Phật: Không duyên cảnh ngoài, Phật khác thân khác. Vì sao tất cả chúng sanh tự có Phật tánh bình đẳng đầy đủ. Tùy thuận pháp giới xí nhiên chỉ vì mê hiểu có thể quán bên ngoài, cho nên vọng tưởng điên đảo thường chìm trong sinh tử. Nếu chiếu soi trở lại thì có lúc giải thoát. Nếu hưởng đến cảnh khác nghĩa là có thể quán tà nhân tà hạnh. Kinh giáo không chấp nhận. Cho nên nói: “Không quán Phật, không quán pháp, không quán tăng” vì thấy mình là chánh pháp tánh. Lại nói: “Sắc thanh thấy ta, gọi là hành tà đạo. Cho nên người tu hành thường lễ bái chỉ thấy thân tâm. Có lẽ có kính chưa thể thông giải. Thường hành nhầm chán, sau hoàn toàn thông đạt biết tâm không ở ngoài, mới biết được tự tâm bản tánh thanh tịnh. Đây tức là tự tánh trụ Phật tánh. Tùy lực tu sáng dẫn ra Phật tánh. Thập địa vị cực của viên quả ba A-tăng-kỳ, đến được quả Phật tánh. Đây là hiểu vi

diệu, chỉ có Thánh mới đạt được. Vị ở hạ phàm, không nên không hiểu, không tu tập.

7. Thật tướng Tam bảo Tự Tha bình đẳng lễ: Đại ý đồng như trước. Trước còn có lễ có quán, tự tha hai thứ khác nhau. Nay ở đây không tự không tha Phật và phàm như một, xưa nay không khác nhau. Thấy Phật được lễ là người rất tà kiến. Kinh chép: “Quán thân thật tướng, Quán Phật cũng như vậy”. Vì thật tướng lìa niệm không thể dùng tâm mà lấy, không thể dùng tướng mà cầu. Không thể dùng lễ kính. Không thể không lễ kính. Lễ, không lễ v.v... cộng, bất cộng v.v... An tâm tịch vắng lặng là Bình đẳng lễ. Nên Văn-thù Thập Lễ chép: “Bất sinh bất diệt nên kính lễ Vô sở quán”. Hai lễ sau này tịch mà năng thông. Phước mà hành đạo. Nên khiến chỉ Quán song du, chân tục đều vận, Tâm mới rộng rang thân thật bị ràng buộc bởi duyên. Tại phàm hành học tướng nó bằng với đây. Hơn đây không hành hạ ngu vọng tập, không đáng để hỏi. Nhưng vì theo tướng phần nhiều chỉ được tự hiểu. Nên văn chép: Phàm phu thức cạn tham đắm năm dục. Chấp ngã kiến thì đứng nói kinh này. Vì nghe không hiểu sẽ tăng thêm sự hủy báng. Chẳng bằng không nghe, làm việc phước thường.

Bài 9: CÔNG DỤNG HIỂN TÍCH

Siêng năng và lười biếng tuy khác nhưng đều có công dụng. Siêng năng thì Thánh đẹp, lười biếng thì phàm xấu.

Trên đây đã nói đầy đủ siêng năng lười biếng rồi, tướng đó đầy đủ. Dưới năm trợ mê mọi phần nhiều giữ lấy quanh co, chưa thể hành dụng, trước hết nêu ra sự chệch bại, nghi ngờ nên nêu các kinh. Dùng để lấp bưng chấp, người có tâm hành là biết ý tôi ở đây. Thế nên biết kẻ hậu tấn sơ tâm phải nương thầy lành bạn tốt. Nay y chỉ Tam bảo thường ưa gần gũi, nên luận Đại Trí Độ chép: Nếu Bồ-tát chưa vào pháp vị xa lìa Chư Phật, phá hoại các gốc lành, mất trong phiền não tự không thể độ. Đâu thể độ người. Cho nên không nên xa lìa Chư Phật. Ví như trẻ con không rời mẹ mình đi đường không rời lương thực. Khi nóng không rời gió mát. Khi lạnh không muốn rời lửa, qua sông không rời thuyền tốt. Bệnh khổ không rời thầy thuốc, cho nên Bồ-tát thường không rời Phật. Vì sao cha mẹ, bà con, bạn bè, người trời vua v.v... Không thể giúp ta qua các biển khổ, chỉ có Phật Thế tôn giúp ta ra khỏi khổ. Cho nên thường nhớ không rời Chư Phật. Nay muốn gần gũi Chư Phật nghe pháp xuất thế, làm phước tiện gì để tu hành chánh hạnh. Vì phàm phu từ vô thủy đứng về tướng mà tu phước. Nên vẫn đứng về tướng mà thực

hành pháp xả ly. Luận chép: Vị chưa thanh tịnh về sau hoàn toàn vô trụ. Cho nên trước phải an trí đạo tràng. Đầu thiết lập tôn tượng, cờ phướn lọng báu, hương hoa tùy sức cúng dường, có mười tướng thấy gốc lành của Phật:

- Lễ bái.
- Khen ngợi.
- Phát nguyện hồi hướng.
- Quán tưởng tốt của Phật.
- Chuyên niệm tu từ.
- Ba quy mười điều lành.
- Phát tâm Bồ-đề.
- Đọc tụng kinh giới.
- Cúng dường xá-lợi, tạo hình tượng Phật.
- Tu hành chánh quán.

(Muôn hạnh tuy khác nhau, theo lý chỉ có một)

Nay dùng đạo pháp tu hành do Thích Tôn để lại. Điều giao phó lòng từ của Phật giúp cho lỗ ngỗ quả Thánh, tướng văn đã rộng, lý chắc chắn khó trái. Hoặc nguyện sanh Tịnh độ, lệ cũng không ngăn lấp. Dùng nghĩa chánh giác tề chương cứu giúp chúng sanh hữu tình hoàn toàn giải thoát liền dừng. Làm sao có trái lìa. Hãy lấy họ Từ nêu tông, ngoài ra mười phương y theo lệ.

1- Lễ bái được thấy Phật: Hành giả dùng tâm chí thành, tâm chất trực, tâm chuyên chú, tâm kính trọng, tâm sâu xa, tâm kính tin. Như kính cha mẹ.

Lễ bái mười phương Phật như Di-lặc: Có thể dứt trừ được đội chướng sẽ sinh trước Đức Phật Di-lặc kia. Nên Kinh Thượng Sinh chép:

“Nếu có người kính lễ Phật Di-lặc thì: Trừ được tội sinh tử trong trăm ức kiếp cho đến đời sau dưới cõi Long Hoa cũng được thấy Phật. Lại chép: Sau khi ta diệt độ bốn chúng tám bộ nghe danh lễ bái, khi qua đời được vãng sanh về cõi trời Đâu-suất. Nếu có nam nữ, phạm các giới cấm, gây ra các nghiệp ác.

Nghe danh tự vị Bồ-tát Đại bi này, nắm vốc sát đất thành tâm sám hối thì tất cả nghiệp ác được nhanh chóng thanh tịnh, nếu có người quy y Bồ-tát Di-lặc. Nên biết người này được không lui sụt. Di-lặc thành Phật, thấy ánh sáng Phật liền được thọ ký. Kinh Tăng Nhất A-hàm chép: Lễ Phật có năm công đức:

1. Xinh đẹp (vì thấy tướng tốt sanh tâm tôn kính bậc trên).

2. Được tiếng tốt (vì khi thấy ba lần xưng Nam-mô Như lai Chân Đẳng Chánh giác).

3. Nhiều tiền của (dùng hương hoa đèn sáng tùy khả năng cúng dường).

4. Sinh về chỗ cao quý (Vì khi thấy Phật tâm không đắm nhiễm lại có thể đầu mặt sát đất, cung tay kính lễ).

5. Sinh lên cõi trời (vì niệm Phật công đức pháp nhĩ như vậy).

2- Nói về khen ngợi đức của Phật: Để thanh tịnh nghiệp của tâm miệng thêm khen ngợi. Như Phạm vương Tán trong kinh Thành Phật chép:

*Chánh biến tri giả nhị túc tôn.
Trời người thế gian chẳng ai bằng.
Thế tôn mười lực rất ít có.
Vô thượng tối thắng ruộng phước tốt.
Người cúng dường được sinh cõi trời.
Cúi lạy Đại tinh tấn chẳng sánh.*

Lại như Kinh có Văn-thù vấn tán Phật rằng:

*Ta lễ tất cả Phật.
Điều Ngự chẳng ai bằng.
Trượng sáu chân pháp thân.
Cũng lễ đối tháp Phật.
Chỗ sinh, chỗ đắc đạo.
Chỗ Pháp luân, Niết-bàn.
Chỗ đi đứng nằm ngồi.
Tất cả đều kính lễ.
Chư Phật không nghĩ bàn.
Pháp môn cũng như thế.
Kính tin và quả báo.
Cũng không thể nghĩ bàn.
Người dùng bài kệ này.
Mà khen ngợi Như lai.
Trong ngàn muôn ức kiếp.
Không đọa vào đường ác.*

Như Kinh Bồ-tát Bản Hạnh chép: dù cho vô số ức người đều thành Bích-chi Phật. Có người trăm tuổi cúng dường, bốn việc cần dùng thì công đức rất nhiều. Chẳng bằng có người dùng tâm hoan hỷ, dùng bài kệ bốn câu khen ngợi Như lai được công đức vô lượng. Lại như kinh Thiên Sinh chép: Lấy bốn thứ quý báu trong Thiên hạ cúng dường Phật,

lại dùng trọng tâm khen ngợi Như Lai. Hai phước đức này bằng nhau không khác. Kinh Đại Bi chép: Xưng danh Nam-mô Phật đem gốc lành này nhập vào cảnh giới Niết-bàn không thể cùng tận.

3- Phát nguyện hồi hướng: Hành giả năng lực gốc lành kém ít dùng nguyện để giúp đỡ. Như đi mà không mất thì đất bằng cũng ngã. Nên phải nguyện hạnh giúp nhau như bánh xe đi xa, phải nói thế này: Nguyện đời trước của tôi và thân ngày nay tu các gốc lành bố thí cho ác chúng sinh, đều cùng hồi hướng Phật đạo vô thượng, sanh về trước Phật Di-lặc nghe pháp thanh tịnh, ngộ vô sinh nhẫn. Nguyện khi sắp qua đời tâm không chướng ngại, tùy sức gốc lành tự tại vãng sanh trước tất cả Phật. Nên luận Trí Độ chép: Có người tu ít phước nghiệp nghe có chỗ vui thường nguyện sanh về cho đến qua đời đều sanh về đó. Còn việc lớn trang nghiêm cõi Phật, chỉ thành công đức không thể thành tựu, cần phải có nguyện lực. Như con trâu tuy sức kéo xe, nhưng cần phải có người đánh xe mới đi đến được. Cõi Phật Tịnh-độ do nguyện dẫn thành. Dùng nguyện lực nên phước đức thêm lớn không mất không hoại, vì thường thấy Phật.

4- Nói về tu niệm Phật được tướng tốt: Hành giả chuyên tâm ngồi ngay trong thất, chánh niệm thân tướng Như lai, nhắm mắt mở mắt rõ ràng phân minh. Tội nghiệp nặng thì qua thời gian lâu mới thấy. Dùng đây để quán tưởng mà biết tội ác nặng hay nhẹ, đều là vọng tưởng mà thiện ác khác nhau như trời với đất, không thể nghĩ bàn. Sinh tử ép ngặt con người không cho tự biếng lười, hoặc cầu không toại ý, sau bị bệnh nặng, giáng vòng chuốc khổ khổ sâu muợn không có chỗ gửi lòng. Tất cả nghiệp ác từ tâm sinh khởi, không có hạt giống lạnh làm sao bài trừ nghiệp. Nếu ôm áp thiện thường xuyên niệm Phật, tùy theo tâm tướng, muốn thấy liền thấy. Nên kinh Quán Phật Tam- Muội chép: Sau khi ta diệt độ, các đệ tử Phật xả ác, bỏ ồn náo, nói ít bớt việc. Ngày đêm sáu thời cho đến khoảnh khắc niệm tướng sợi lông trắng của Phật, rõ ràng không loạn chú ý không thôi. Hoặc thấy tướng khác hoặc không thấy, người này trừ được chín mươi sáu ức na-do-tha, Hằng hà sa bụi cát số kiếp các tội sinh tử. Nếu lại có người chỉ nghe nói sợi lông trắng, tâm không kinh nghi, vui mừng tín nhận. Người này cũng trừ tội nặng sinh tử trong tám mươi ức kiếp ức kiếp. Phật chép: Như lai có tám muôn bốn ngàn tướng tốt, không bằng chút phần công đức của sợi lông trắng, cho nên nay ta vì người đời sau nói tướng sợi lông trắng. Đại Tuệ ánh sáng tiêu ác quán pháp. Nếu có người ác, nghe quán sợi lông trắng sinh sân hận. Thì tướng sợi lông trắng sáng đó cũng lại che chở người đó, trừ tội

ba kiếp sau sinh về trước Phật.

5- Nói về chuyên niệm đức của Phật: Tu tập từ bi gọi là cúng dường chân thật. Hành giả dùng thân tâm thanh tịnh ở trong tất cả thời niệm đại ân Phật, khiến ra khỏi sinh tử, như nhớ nghĩ cha mẹ, đây chỉ là ân nuôi dưỡng sanh thân một đời, ân Phật sâu nặng, vì các chúng sanh mà Phật vào ngục ba cõi, hết lòng dạy răn, khiến tu chánh hạnh, được ra khỏi sinh tử vô số kiếp khổ. Nên ta nay hằng ngày thường niệm ân Phật, hướng chi niệm Phật sẽ sinh ra hạt giống lành, công đức quả báo không thể cùng tận. Nên Kinh Kim Quang Minh chép: “Đối với Phật khởi nghiệp thì quả báo vô biên”. Lại như Kinh Quán Phật Tam- Muội chép: Trong người Đức Phật báo lành lợi nhiều chỗ, người nghe danh lễ bái cúng dường còn được trọng báo, hướng chi buộc niệm, nhớ nghĩ tướng chân chánh của Phật. Còn Kinh Thượng Sinh chép: Khi Phật diệt độ, tinh tiến tu các công đức. Oai nghi không thiếu, quét tháp tô đất, hương hoa cúng dường, hành các Tam-muội, đọc tụng kinh điển. Những người như thế tuy không dứt kết như được sáu thông, phải nên buộc niệm niệm hình tượng Phật, xưng danh hiệu Phật Di-lặc. Hoặc trong khoảng một niệm thọ Bát Quan trai giới, tu các tịnh nghiệp. Khi qua đời liền vắng sinh trong đài hoa sen trên cõi trời Đâu-suất, liền thấy được ánh sáng tường sợi lông trắng của Phật. Siêu vượt tội sinh tử trong chín mươi ức kiếp. Tùy theo túc duyên của họ mà nói pháp mầu khiến được không lui sụt. Kinh Đại Bi nói rằng: Nếu tâm chí thành niệm công đức Phật, cho đến một rải đóa hoa trên hư không, ở đời vị lai được phước chư Thiên, Phạm vương không thể cùng tận vì phước bất tận đó cuối cùng đến Niết-bàn.

Kinh Tăng nhất A-hàm chép: Chúng sanh ba nghiệp làm ác, lúc sắp qua đời nhờ công đức Như Lai, phải lìa đường ác được sinh lên cõi trời, dù cho người cực ác, nhờ niệm Phật nên cũng được sinh lên cõi trời. Còn Kinh Hoa Nghiêm nói: Nếu có thể niệm Phật trong giây lát, ánh sáng trí tuệ diệt được si ám. Còn luận Trí Độ chép: Bồ- tát thường thích niệm Phật, xả thân thọ thân thường gặp Chư Phật. Kinh Đại Bi chép: Dù cho đầy khắp thế giới tam thiên, là các Thanh văn, Bích-chi Phật, có người ở trong một kiếp tất cả ưa thích cúng dường đầy đủ, cho đến sau khi diệt độ xây tháp, trọn đời cúng dường công đức tuy nhiều nhưng không bằng có người ở chỗ Như Lai khởi một niệm thanh tịnh, tư duy tin hiểu trí tuệ không thể nghĩ bàn của Chư Phật, vì gốc lành cao quý này hơn trước đây không thể sánh được. Vì sao ? Như Lai có công đức đại từ đại bi, năm phần pháp thân vô lượng vô ngại. Do cảnh giới này không

thể nghĩ bàn. Nếu có kính dưỡng cũng không thể nghĩ bàn. Cho nên quả báo cũng không thể nghĩ bàn.

Kế lại y theo giáo tu tập từ bi bốn tâm vô lượng, vì sao như thế? Vì tâm Chư Phật gọi là Đại từ, nay không tụ tập thì hạnh khác với Phật, không làm sao thấy được. Nên khi niệm Phật hành tu từ quán. Hành giả sơ tâm muốn tu từ, ở chỗ vắng ngồi yên buộc niệm vào tất cả chúng sanh ở mười phương đều như người thân của mình không nghĩ đến nhứt ngại, đầy đủ bốn thứ cung cấp như trên. Hoặc một phút, một giờ, một ngày có công năng sinh ra công đức. Tùy tâm phân lượng không thể hạn lượng.

Kinh Đại Bi chép: Nếu người tu từ trong lúc xả mạng thấy Phật mười phương đưa tay xoa đầu mình, nhờ tay xúc chạm nên tâm rất an vui, liền được vãng sanh cõi Phật thanh tịnh. Tôi thấy thế gian tánh hạnh mềm mỏng. Vào nơi an ổn như ý tự tại. Bản tánh thô sơ, lúc sắp chết hoảng hốt, khi sắp nhắm mắt không nói năng được “dù có khéo dạy bảo cũng không lãnh hội được” Ngay sự để cầu hành từ là cùng cực. Nay xem thường không thực hành, chỉ là nghiệp ác không có lòng từ bi, phải theo đường ác. Nên kinh chép: Như thế tu từ thấy vô lượng Phật. Nếu tu pháp duyên vô duyên từ, đủ bốn vô lượng thì được Phật đạo.

6. Nói về Thọ ba Tự Quy, và mười thiện giới: Vì các đạo tục có hiểu biết, đều phải quy y Tam bảo thỉnh cầu che chở, được công đức không thể hạn lượng.

7. Chúng y cứ theo giới: trước đã thọ quy y, không ngăn lại thọ trùng cảm vô tác. Thiện ác đã như vậy giới cũng chung với điều đó. Nếu chưa thọ giới mà dừng được thì chỉ thọ ba quy phiên tà, mỗi ngày phân ra sáu thời, theo thời mà thọ. Hiển rõ quy y Tam bảo tự thệ không trở lại, người thọ pháp nói rằng: Con ... trọn đời quy y Phật, quy y pháp, quy y tăng [Tâm sinh miệng nói nhất tâm hướng về Phật. Như trên nói ba lần gọi là được quy pháp].

Con... trọn đời quy y Phật rồi.

Quy y pháp rồi.

Quy y tăng rồi (nói ba lần tự thệ thọ xong).

Như Kinh Thiện Sinh chép: Nếu người thọ ba tự quy, được quả báo không thể cùng tận. Như Tứ Đại Bảo Tang nêu: Trong bảy năm nhân dân trong nước vận xuất bất tận, thọ ba quy thì phước người đó hơn người kia, không thể tính kể. Còn Kinh Giáo Lượng Công Đức chép:

Đây khắp trong bốn hữu châu, quả Nhị thừa có người trọn đời cúng dường, cho đến xây tháp cũng không bằng. Người nam người nữ

nói thế này: Con ...quy y Phật, Pháp, Tăng, được công đức không thể nghĩ bàn, vì trong các phước chỉ có Tam bảo là hơn hết. Nếu khởi chệch bai mắc tội vô biên, lấy thiện ác ví dụ đồng. Kỳ Vực Điều-đạt đồng làm thân Phật ra máu, vì tâm có thiện ác. Đến đời cướp mạng được khổ vui. Còn Kinh Tạp A-hàm chép: giao chiến với Tu-đạt: Khiến thọ Ba quy cuối cùng sinh lên cõi trời. “Có người mang” là vì đưa con trong thai mà thọ ba quy. Sinh ra rồi lại thọ. Sau có tri kiến lại dạy ba quy. Dù có người tội tở, làm thuê, người mang thai sinh con cũng dạy như thế. Nếu mua tội tở thọ ba quy và năm giới, rồi mới mua người đó. Không thể không mua cho đến xin của cải. Nếu dứt thọ ba quy rồi mới cho người đó. Nếu có người thí Tam bảo vật, theo Thế tôn nghe xưng danh. Chú nguyện bèn được sinh lên cõi trời. Phật nói: Lành thay! Như lai có tri kiến vô thượng, xét biết phương tiện đều được sanh lên cõi trời. Nên Kinh Xử Thai chép: “Phật bảo Di-lặc” bằng bài kệ: Ông được người ba hội, là chỗ ta giáo hóa trước, 96 ức người thọ năm giới của ta. Kế đến là người Ba quy, 92 ức là một xưng Nam-mô Phật. Trừ rộng như Kinh Chánh Niệm. Quả báo thọ quy sinh lên cõi trời thọ vui. Kế đến chép: “Thọ pháp Thập Thiện”. Nghĩa là thân ba, miệng bốn, ý ba hạnh lành. Mười nghiệp giới này Tông của Thiện. Nay phần nhiều y theo tướng, ít người thọ giới. So có người ngu không chịu thọ quy y chép: “Không làm việc ác tức là thiện”. Ở đây cho là không đúng. Trước hết phải nguyện không làm các việc ác. Y theo nguyện khởi hạnh có khả năng vãng theo. Nếu không dự làm liền khởi thiện như thế không có khuôn phép. Sau gặp duyên liền tạo tội không ngừng, do trước không nguyện nên làm các việc ác. Bạc Đại Thánh biết cơ nên khiến thọ thiện “Nếu nói tôi không làm ác chính là Thiện” thì Ông không làm lành cũng không phải là ác, như thế trâu ngựa lừa la không sát sinh, há là thiện ư? Đây là tâm ở vô ký, không có nghiệp tội phước nên phải khởi niệm chuyên chí sâu nặng mới thành nghiệp đạo. Nên Kinh Vị Tăng Hữu chép: Hạ phẩm Thập thiện nghĩa là khoảng một niệm. Trung phẩm thập thiện là khoảng một bữa ăn. Thượng phẩm Thập thiện là từ sáng sớm đến giờ Ngọ. Trong thời gian này tâm niệm Thập thiện, ngừng dứt Thập ác. Nên Đã can tâm niệm Thập Thiện. Bảy ngày không ăn sinh lên cõi trời Đâu-suất. Còn Kinh Thượng Sinh chép: Khi ta diệt độ, bốn chúng tám bộ muốn sinh lên Đệ tứ Thiên, phải từ một ngày đến bảy ngày buộc niệm ở cõi trời kia, giữ giới cấm của Phật. Nhớ nghĩ đến mười thiện, hành mười thiện đạo. Hồi hướng công đức này nguyện sanh trước Phật Di-lặc thì tùy niệm vãng sanh. Nói bảy ngày là nói gần mà còn cảm

cõi trời kia, hưởng chi một đời mà không đạt được hay sao? Hỏi rằng: ‘Trên trời quả báo cao quý không thể nghĩ bàn, làm sao bảy ngày mà cảm được đại phước.

Đáp: Nhân lành tuy nhỏ nhưng được quả báo rất lớn, như một đóm lửa có thể thiêu cả khu rừng. Một điều lành nhỏ còn phá được ác lớn. Lại một niệm tà kiến phỉ báng Đại thừa, tuy rất nặng nhưng nhiều kiếp chịu khổ. Nghiệp nhân quả đạo lý không thể nghĩ bàn không thể dùng phạm tình mà ước đoán được. Kế là nói thọ pháp có theo sư thọ, không thầy tự thọ như Ba quy ở trên. ba tự quy rồi, miệng tự phát lời nói. Con ... trọn đời đối với tất cả chúng sanh, khởi lòng nhân từ, ý không khởi tâm sát. Chín điều thiện sau nên lệ theo đây mà không lặp lại văn rườm rà.

8. Nói phát tâm Bồ-đề: Bồ-đề dịch là Giác. Tự giác, giác tha nên gọi là Phật, hành giả đã ở trong Phật pháp tức hạt giống Phật. Phải phát giác cầu tác ý quán độ. Đây là đi đến bến cầu của quả Phật, thành căn bản của muôn hạnh. Như bao trùm hư không muôn tượng, như biển nhận nước trăm sông. Nếu không trước xây dựng tâm này thì khởi hạnh liền mê mất. Bồ-đề này có tướng thế nào? Nay muốn phát tâm có lý có hạnh, ở duyên thì hai, ở lý thì thông. Không như vậy chân tục cả hai trái nhau, chẳng phải nghĩa chánh pháp. Nói lý phát là là tự tâm năm ấm các pháp bản tánh vô ngã. Biết rõ điều quan trọng này gọi là tâm Bồ-đề. Nên kinh Tịnh Danh chép: Tịch diệt là Bồ-đề, lìa các tướng nên giả danh là Bồ-đề, vì danh tự không nên như kinh Ván Bồ-đề chép, tướng Bồ-đề là ra khỏi ba cõi hơn pháp thế tục. Ngôn ngữ đoạn diệt các phát không phát, đó gọi là phát tâm Bồ-đề, các kinh như thế nêu lên tướng của tâm. Nên gọi là phát tâm. Tâm này thể vốn thanh tịnh, rốt ráo đạt được lý này thì tác nghiệp khiến cho thanh tịnh, nên gọi là phát tâm, tức gọi là hành. Hành giả an dừng tâm như trên, đã sinh tâm đa dục, ta vào Phật đạo rộng độ chúng sanh, gốc lành đã tu đều hồi hướng vô thượng Chánh giác. Nên luận Trí Độ chép: Nếu người phát tâm nói ta nhất định phải thành Phật. Đã qua các thế gian nên thọ sự cúng dường cao quý. Còn luận Thập Trụ chép: Nếu người phát tâm cầu Phật không dừng nghỉ, có người dùng tay chỉ thế giới Đại thiên, trụ ở kiếp không chẳng có gì là khó. Nếu phát nguyện nói tôi sẽ thành Phật là người ít có. Vì sao? Vì người đời tâm kém không có chí lớn.

Luận Phát Bồ-đề tâm chép: Có mười Đại chánh nguyện thường đốc lòng tu hành.

1. Nguyện ta đời trước và thân này gieo trồng gốc lành, thí cho chúng sanh hồi hướng Phật đạo: Khiến nguyện này của ta từng niệm

tăng trưởng đời đời sinh ra cuối cùng không quên mất, là được Đà-la-ni che chở.

2. Nguyên đem chỗ sinh gốc lành này, gặp Phật thường được cúng dường, không sinh vào nước không Phật.

3. Nguyên tôi được gần gũi Chư Phật, theo hầu hai bên như bóng theo hình. Đã được gần gũi Phật, Phật nói pháp cho ta nghe thành tựu năm thông.

4. Nguyên thông đạt thế đế giả danh, truyền bá hiểu nghĩa Đệ nhất, được trí chánh pháp.

5. Dùng tâm không nhằm chán, vì chúng sanh nói chỉ dạy lợi ích vui mừng, đều giúp cho khai mở hiểu biết.

6. Nguyên dùng thần lực Phật, khắp cả các thế giới ở mười phương, cúng dường Chư Phật nghe nhận chánh pháp. Rộng nhiếp chúng sanh.

7. Nguyên con thuận theo pháp luân thanh tịnh. “Tất cả chúng sanh nghe pháp ta”, nghe tên ta” thì xa lìa được phiền não.

8. Nguyên tùy theo chúng sanh ủng hộ và ưa thích xả thân mạng tài sản, gánh vác chánh pháp trừ không lợi ích.

9. Nguyên con tuy hành chánh pháp, tâm không có việc nào thực hành, cũng không có việc nào không thực hành vì giáo hóa chúng sanh nên không xả chánh nguyện.

10. Nguyên mười đại nguyện này của con trùm khắp chúng sanh giới. Nhiếp thọ tất cả hằng sa các nguyện. Nếu chúng sanh giới cùng tận thì nguyện của con mới cùng tận. Nhưng vì chúng sanh giới không thể cùng tận. Nên nguyện của con đây cũng không thể cùng tận. Hành giả phát chánh nguyện như thế, kể thọ ba nhóm tịnh giới của Bồ - tát. Văn ấy khác nên không nói đầy đủ, nếu người. Cần xem thì như trong Chánh Hạnh Nghi quyển Hạ.

Nói về đọc tụng chánh kinh điển của Phật: Vì kinh giáo Đại thừa liễu nghĩa này, tuyên nói pháp sâu xa thanh tịnh không. Do từ pháp thân Như lai lưu xuất ra. Hành giả đem tâm thanh tịnh ái trong Đại thừa mà thọ trì, đọc tụng, biên chép, cúng dường, cho đến thừa khác có bao nhiêu kinh điển đều từ Đại thừa lưu xuất ra. Ta cũng thọ trì vô tướng trái nhau. Cho nên công đức được thấy Chư Phật. Như Đại Phẩm nói. Nếu có người thọ trì văn tự Bát - nhã, gần gũi đọc tụng, nhớ niệm viết chép thọ trì các thú cúng dường, không rơi vào đường ác, thường thấy Chư Phật. Từ một cõi Phật đến một cõi Phật, cũng dùng cúng dường Chư Phật. Kinh Niết-bàn chép: Nếu vì sợ sệt nên lợi dưỡng và phước đức, viết một bài kệ kinh này, thì sinh về cõi Bất động. Nếu vì mong

phước lợi một ngày đọc tụng kinh.. Hoặc tự thân tài bảo thì cho người nói pháp. Nếu nghe, viết, chép, thọ trì và đọc tụng Bí tạng của Chư Phật thì sinh về cõi Bất động. Lại kinh Kim cương Tam-muội chép: Nếu có tụng nghe trí tuệ cao siêu của Phật. Thân tâm vui theo không sanh phỉ báng thì trong trăm ngàn kiếp không rơi vào đường ác, chỗ sinh được gặp Phật, cho đến niêm pháp thân Phật.

9. Nói về cúng dường Xá-lợi, đức hình tượng Phật: Như Đại Phẩm chép: Phật thấy lợi ích này nên vào Tam-muội Kim cương thân nát như hạt cải. Nếu được xá lợi Phật tùy khả năng mà cúng dường. Người này thọ vui trong loài người, trên cõi trời, cho đến khổ hết nhưng phước không hết. Còn Kinh vô Thượng Ý chép: Giả sử thế giới Ta-bà này nghiền nát thành cát bụi, đều là bốn quả, Bích-chi Phật. Có người trọn đời cúng dường cho đến xây tháp. Phước đó tuy nhiều nhưng không bằng. Người nam người nữ lấy xá-lợi Phật như hạt cải để xây tháp. Như A-ma-lặc-đại. Đại sát như cây kim lớn, lộ bàn như lá táo to, tạo tượng như hạt gạo lớn. Công đức này hơn cả vô lượng không thể nghĩ bàn ở trước. Nếu không hồi hướng đạo vô thượng lấy công đức này nhóm hết cát bụi số của Ta-bà thế giới, làm lục dục Thiên vương Chuyển luân Thánh vương không thể nói hết. Lại kinh Niết-bàn chép: Nếu đối với Phật pháp tăng cúng dường một ngọn đèn. Cho đến dâng cúng một bông hoa thì sinh vào cõi Bất Động. Khéo giữ gìn tăng vật, lau quét đất Phật tăng, tượng tháp chùng bằng ngón tay cái. Thường sinh tâm hoan hỷ cũng sinh về cõi Bất động. Đây là Tịnh Độ thường trang nghiêm không bị ba tai làm động.

10- Nói về tu tập chánh quán: Chí lý chân cực không ngoài nhân không và pháp không. Chỉ Phật đạo có, còn đạo khác thì không. Do nhân không và pháp không, nên hai chấp dứt ở đây. Tất cả phiền não không có nhân được sinh. Nên kinh Kim Cang Bát-nhã chép: Tất cả bậc Thánh đều do vô vi mà được tên. Đây nghĩa là Thánh Hiền Ba thừa sâu cạn có khác. Đến khi nhập chứng chỉ ở hai không, Hành giả tu học nên y theo Địa trì.

Luận chép: Pháp tu hành là gá vào thân rỗng không vắng lặng không có du hành. Miệng im lặng ít nói, ít ngủ, thường tỉnh giác. Thường ăn một bữa không ăn nhiều thứ. Suy nghĩ các pháp Như lai đã nói. Biết chẳng phải có không vì chỗ biết đó trùm khắp các pháp khiến được khéo hiểu. Dùng văn này để chứng minh hành giả phải biết. Quán sát tự tâm, từ xưa đến nay tự tánh thanh tịnh. Chẳng phải không, chẳng phải có, chẳng phải nhiễm, chẳng phải tịnh. Lìa các phân biệt chỉ là vọng

tưởng, đến nỗi có phải quấy, được mất, thêm lớn cái nhân của tội phước. Nay đạt được bản tánh có thể xa nói nguồn xa. Thường thực hành quán này không thấy nhân pháp tức là đạt không, Không vốn vô hình làm sao khởi vọng? Như vậy tất cả tác nghiệp động thân vận tưởng, không được thất niệm. Như trên đã nói. Đây là thật quán, tên khác là hư giải. Kinh Hoa Nghiêm chép: Quán sát các pháp và cõi nước chúng sinh thế gian đều vắng lặng Tâm không có sở y, không có vọng tưởng, đó gọi là Chánh niệm Phật Bồ-đề. Lại nói nếu muốn được thật trí phải lìa các vọng tưởng. Có không đều thông đạt, mau làm thầy trời người. Hành giả tu hành pháp quán này một thời một niệm. Công đức vô biên. Nên kinh Ca-diếp chép: Tất cả phước đức của chúng sanh, trong Đại thiên như vua Di-ni không bằng. Có người tu pháp viển ly tâm thanh tịnh tương ưng giải các pháp không, không đến không đi, như thế ít nhân công đức thí dụ chẳng thể kịp. Còn kinh Phổ Hiền Quán chép: Nếu có ngày đêm sáu thời lễ bái mười phương Phật, tụng kinh Đại thừa hiểu nghĩa Đệ nhất pháp không sâu xa. Một búng ngón tay, trừ được tội sinh tử trong trăm muôn ức Na-do- tha hằng sa kiếp. Hành pháp này thật là Phật tử. Người thực hành pháp này thật là Phật tử. Từ Chư Phật sinh, Chư Phật mười phương và các Bồ-đát là Hòa thượng của người đó. Đó gọi là cụ túc Bồ-đát giới không cần yết ma, tự nhiên thành tựu, xứng đáng nhận của tất cả trời người cúng dường.

Bài 10: TRÌNH KHÍ TRẦN TÍCH

Biểu thị cho tâm nhân quán hình mộc đạo.

Nội tĩnh tự tạt thác sự hưng từ.

Tôi mỗi năm dần suy yếu, sáng tối thay nhau hết. Chẳng học trang nghiêm lấy gì nương theo kịp. Lại soạn thuật hành tướng thật nhiều. Tùy thời cứu cấp toát yếu cũng đầy đủ, nay có xem mới chí đạo theo nhau hỏi chỗ cần thiết. Đời Lý thường theo lễ kính là cần thiết. Tôi quản lý soạn chép đặt thành bài châm, minh, công việc rất khổ nhọc rồi trở lại viết lời tựa, gồm mười bài, giữ gìn ba nghiệp. Trên mở mang Phật đạo, dưới nhiếp mình và người, văn từ dạy rất kỹ lưỡng, nghĩa còn thiếu sót, ngõ hầu người đọc hiểu được ý kinh. Nếu còn có chỗ thiếu sót xin thương tình chỉ bảo thêm.

Thích Môn Quy Kính nghi quyển Hạ
(HẾT)

Quy Kính Nghi là Tổng hợp tông chân tục, quy về nghiên cứu chỗ cùng cực của sự lý. Văn đón ngọn nghĩa dồi dào. Cho nên rộng khuyên năm chúng mở ấn bản. Từ xa mong ba hội quà tặng lợi ích mà thôi.

Nhật Bản niên hiệu Vĩnh Nhân năm thứ 3 Năm Ất Mùi
tháng 2 nhuận_Ngày_tháng. Ngu Đông Sơn Tuyền Dũng
Tiểu Tỳ- kheo. Quán Chiêu kính ghi.